



Tài chính

BẢN TIN TÀI CHÍNH - KINH DOANH

Tháng 5/2020

✓ CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH MỚI:

- Tài chính nhà nước, thuế, hải quan
- Kế toán, kiểm toán
- Tài chính doanh nghiệp
- Tín dụng - ngân hàng - chứng khoán
- Bảo hiểm xã hội, tiền công, tiền lương

✓ THÔNG TIN DOANH NGHIỆP CẦN QUAN TÂM

✓ THÔNG TIN HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

4

CHÍNH SÁCH MỚI

Trích yếu nội dung chủ yếu của các chế độ, chính sách mới ban hành trong lĩnh vực tài chính

12

HƯỚNG DẪN CHÍNH SÁCH

Những điều cần biết về hóa đơn điện tử

17

THÔNG TIN CẦN QUAN TÂM

*Không thanh tra, kiểm tra thuế doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19
Cảnh báo lừa đảo người dùng qua website mạo danh ngân hàng*

22

THÔNG TIN VỀ HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

Thực thi các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới

CHÍNH SÁCH MỚI

TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC

- 1. Công điện số 03/CĐ-LĐTĐ ngày 24/04/2020 về dự Hội nghị trực tuyến triển khai và hướng dẫn thực hiện Nghị quyết số 42/NQ-CP và Quyết định về thực hiện chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành.**

Công điện về dự Hội nghị trực tuyến triển khai và hướng dẫn thực hiện Nghị quyết số 42/NQ-CP và Quyết định về thực hiện chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch COVID-19.

- 2. Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24/04/2020 về thực hiện chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 do Thủ tướng Chính phủ ban hành. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.**

Quyết định về thực hiện chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch COVID-19.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/06/2020.

- 3. Nghị định số 50/2020/NĐ-CP ngày 20/04/2020 quy định về tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ và khắc phục hậu quả thiên tai.**

Nghị định này quy định về tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ và khắc phục hậu quả thiên tai.

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/06/2020.

- 4. Thông tư số 29/2020/TT-BTC ngày 17/04/2020 về hướng dẫn thực hiện**

việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành.

Thông tư này hướng dẫn thực hiện việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 02/06/2020.

- 5. Thông tư số 27/2020/TT-BTC ngày 17/04/2020 về hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí xây dựng tiêu chuẩn quốc gia và quy chuẩn kỹ thuật do Bộ Tài chính ban hành.**

Thông tư này hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí xây dựng tiêu chuẩn quốc gia và quy chuẩn kỹ thuật do Bộ Tài chính ban hành.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05/06/2020.

- 6. Nghị quyết số 47/NQ-CP ngày 16/04/2020 về điều chuyển một phần kinh phí bảo đảm hoạt động của Tổng cục Thuế sang cho Tổng cục Hải quan, Tổng cục Dự trữ Nhà nước, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Học viện Tài chính do Chính phủ ban hành. Nghị quyết có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.**

Nghị quyết này điều chuyển một phần kinh phí bảo đảm hoạt động của Tổng cục Thuế sang cho Tổng cục Hải quan, Tổng cục Dự trữ Nhà nước, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Học viện Tài chính.

- 7. Quyết định số 515/QĐ-TTg ngày 15/04/2020 về điều chỉnh kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2016-2020 của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương do Thủ tướng Chính phủ ban hành. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.**



Quyết định về điều chỉnh kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2016-2020 của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương.

8. Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 13/04/2020 về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 do Thủ tướng Chính phủ ban hành. Chỉ thị này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chỉ thị này về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025.

9. Thông tư số 23/2020/TT-BTC ngày 13/04/2020 quy định về tạm ứng, vay ngân quỹ nhà nước của ngân sách nhà nước do Bộ Tài chính ban hành.

Thông tư này quy định về tạm ứng, vay ngân quỹ nhà nước của ngân sách nhà nước.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/06/2020.

10. Quyết định số 584/QĐ-BHXH ngày 13/04/2020 về chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2020 do Bảo hiểm xã hội Việt Nam ban hành. Quyết định này hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Quyết định về chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2020 do Bảo hiểm xã hội Việt Nam ban hành.

11. Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 09/04/2020 về biện pháp hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 do Chính phủ ban hành. Nghị quyết này hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Nghị quyết này về biện pháp hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19.

12. Quyết định số 750/QĐ-BTP ngày 06/04/2020 về phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý xe ô tô phục vụ công tác các chức danh và xe ô tô phục vụ công tác chung của cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Tư pháp. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Quyết định về phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý xe ô tô phục vụ công tác các chức danh và xe ô tô phục vụ công tác chung của cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Tư pháp.

13. Thông tư số 18/2020/TT-BTC ngày 31/03/2020 hướng dẫn đăng ký và sử dụng tài khoản tại Kho bạc Nhà nước do Bộ Tài chính ban hành.

Thông tư này hướng dẫn đăng ký và sử dụng tài khoản tại Kho bạc Nhà nước. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/05/2020.

14. Quyết định số 900/QĐ-BGDĐT ngày 31/03/2020 công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Quyết định này công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

15. Quyết định số 877/QĐ-BKHCN ngày 31/03/2020 về chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2020 của Bộ Khoa học và Công nghệ. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Quyết định về chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2020 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

16. Quyết định số 445/QĐ-BTTTT ngày 30/03/2020 về Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2020 của Bộ Thông tin và Truyền



thông. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Quyết định về Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

17. Quyết định số 11/2020/QĐ-TTg về chế độ quản lý tài chính đối với cơ quan Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm - Bộ Tài chính do Thủ tướng Chính phủ ban hành. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Quyết định về chế độ quản lý tài chính đối với cơ quan Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm - Bộ Tài chính.

18. Quyết định số 437/QĐ-TTg năm 2020 về nguyên tắc hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương trong phòng, chống dịch Covid-19 do Thủ tướng Chính phủ ban hành. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Quyết định số 437/QĐ-TTg năm 2020 về nguyên tắc hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương trong phòng, chống dịch Covid-19.

| THUẾ, PHÍ

1. Thông tư số 25/2020/TT-BTC ngày 14/4/2020 sửa đổi Thông tư số 291/2016/TT-BTC quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động bưu chính do Bộ Tài chính ban hành.

Thông tư ban hành mới biểu mức thu phí thẩm định điều kiện hoạt động bưu chính áp dụng từ ngày 01/6/2020 tại phụ lục ban hành kèm theo.

Thông tư số này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/6/2020.

2. Thông tư số 22/2020/TT-BTC ngày 10/4/2020 quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác và sử dụng dữ liệu về môi trường do Bộ Tài chính ban hành.

Mức thu phí khai thác và sử dụng dữ liệu về môi trường được quy định tại Biểu mức thu phí ban hành kèm theo Thông tư số 22/2020/TT-BTC.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26/5/2020.

3. Nghị định số 41/2020/NĐ-CP ngày 08/04/2020 về gia hạn thời hạn nộp thuế và tiền thuê đất do Chính phủ ban hành.

Nghị định này quy định việc gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất.

Nghị định số 41/2020/NĐ-CP có hiệu lực từ thi hành ngày ký.

4. Nghị định số 39/2020/NĐ-CP ngày 03/04/2020 về Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại giữa Việt Nam - Cuba giai đoạn 2020-2023 do Chính phủ ban hành.

Nghị định số 39/2020/NĐ-CP quy định thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại Việt Nam - Cuba giai đoạn 2020 - 2023 và điều kiện được hưởng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt theo hiệp định này.

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 20/5/2020.

5. Quyết định số 452/QĐ-BTC ngày 31/03/2020 về điều chỉnh Bảng giá tính lệ phí trước bạ đối với ô tô, xe máy do Bộ Tài chính ban hành.

Ban hành kèm theo Quyết định này là Bảng giá điều chỉnh, bổ sung Bảng giá tính lệ phí trước bạ đối với ô tô, xe máy ban hành kèm theo Quyết định số 618/QĐ-BTC ngày 09/4/2019, Quyết định số 1112/QĐ-BTC ngày 28/6/2019 và Quyết định số 2064/QĐ-BTC ngày 25/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 03/4/2020.

6. Thông tư số 04/2020/TT-NHNN ngày 31/03/2020 sửa đổi Thông tư số 26/2013/TT-NHNN về Biểu phí dịch vụ thanh toán qua Ngân hàng Nhà nước Việt Nam do Ngân hàng Nhà nước ban hành.

Thông tư này sửa đổi Thông tư số 26/2013/TT-NHNN về Biểu phí dịch vụ thanh toán qua Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/4/2020.

Nội dung Thông báo về công tác triển khai, thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về việc xuất khẩu gạo trong bối cảnh dịch bệnh và hạn hán, xâm nhập mặn tại văn bản 2827/VPCP-KTTH; giải pháp điều hành xuất khẩu gạo trong thời gian tới do Văn phòng Chính phủ ban hành.

Thông báo này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

3. Quyết định số 711/QĐ-BGTVT ngày 20/4/2020 công bố mở cảng cạn Long Biên do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành.

Nội dung Quyết định Công bố mở cảng cạn Long Biên - Vị trí cảng cạn: Số 1 đường Huỳnh Tấn Phát, Khu công nghiệp Sài Đồng B, phường Thạch Bàn, quận Long Biên, thành phố Hà Nội. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

4. Quyết định số 1152/QĐ-BCT ngày 17/4/2020 về thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành làm việc với cơ quan có liên quan để nắm tình hình về lượng gạo hàng hóa tại các cảng phục vụ công tác điều hành xuất khẩu gạo do Bộ Công Thương ban hành.

Nội dung Quyết định thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành làm việc với một số cơ quan có liên quan để nắm tình hình về lượng gạo hàng hóa tại các cảng phục vụ công tác điều hành xuất khẩu gạo.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

5. Nghị quyết số 47/NQ-CP ngày 16/4/2020 về điều chuyển một phần kinh phí bảo đảm hoạt động của Tổng cục Thuế sang cho Tổng cục Hải quan, Tổng cục Dự trữ Nhà nước, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Học viện Tài chính do Chính phủ ban hành.

Nội dung Nghị quyết thông qua nội dung dự thảo Tờ trình của Chính phủ

THUẾ VỚI HÀNG HÓA XUẤT, NHẬP KHẨU

1. Thông báo số 2538/TB-TCHQ ngày 22/4/2020 về kết quả xác định trước mã số do Tổng cục Hải quan ban hành.

Nội dung Thông báo của Tổng cục Hải quan về kết quả xác định trước mã số Máy in 3D OPM250L.

Thông báo này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

2. Thông báo số 163/TB-VPCP ngày 21/4/2020 về kết luận của Phó Thủ tướng Trịnh Đình Dũng tại cuộc họp về công tác triển khai, thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về việc xuất khẩu gạo trong bối cảnh dịch bệnh và hạn hán, xâm nhập mặn tại văn bản 2827/VPCP-KTTH; giải pháp điều hành xuất khẩu gạo trong thời gian tới do Văn phòng Chính phủ ban hành.



trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội về điều chuyển một phần kinh phí bảo đảm hoạt động của Tổng cục Thuế sang cho Tổng cục Hải quan, Tổng cục Dự trữ Nhà nước, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Học viện Tài chính như đề nghị của Bộ Tài chính tại văn bản số 64/TTr-BTC ngày 08/4/2020.

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

6. Nghị quyết số 44/NQ-CP ngày 11/4/2020 về phê duyệt Hiệp định về hỗ trợ lẫn nhau trong lĩnh vực hải quan giữa Việt Nam - Hoa Kỳ do Chính phủ ban hành.

Nội dung Nghị quyết phê duyệt Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hợp chúng quốc Hoa Kỳ về hỗ trợ lẫn nhau trong lĩnh vực hải quan.

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

7. Quyết định số 1106/QĐ-BCT ngày 10/04/2020 công bố hạn ngạch xuất khẩu đối với mặt hàng gạo trong tháng 4/2020 do Bộ Công Thương ban hành.

Nội dung Quyết định về hạn ngạch xuất khẩu đối với mặt hàng gạo; Áp dụng hạn ngạch xuất khẩu đối với mặt hàng gạo (mã HS 10.06) trong tháng 4/2020 là 400.000 tấn.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 11/04/2020.

8. Nghị định số 46/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 quy định về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa quá cảnh thông qua Hệ thống quá cảnh Hải quan ASEAN để thực hiện Nghị định thư 7 về Hệ thống quá cảnh Hải quan.

Nghị định này quy định về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa quá cảnh thông qua Hệ thống quá cảnh Hải quan ASEAN để thực hiện Nghị định thư 7 về Hệ thống quá cảnh Hải quan.

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1/6/2020.

9. Quyết định số 1079/QĐ-BCT ngày 06/4/2020 về điều tra áp dụng biện pháp chống bán phá giá đối với sản phẩm sợi dài làm từ polyester có xuất xứ từ Cộng hòa nhân dân Trung Hoa, Cộng hòa Ấn Độ, Cộng hòa In-đô-nê-xi-a và Ma-lai-xi-a do Bộ Công Thương ban hành.

Nội dung Quyết định điều tra áp dụng biện pháp chống bán phá giá đối với một số sản phẩm sợi dài làm từ polyester, thuộc các mã HS 5402.33.00, 5402.46.00 và 5402.47.00 có xuất xứ từ Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, Cộng hòa Ấn Độ, Cộng hòa In-đô-nê-xi-a và Ma-lai-xi-a (mã vụ việc: AD10).

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

10. Thông báo số 140/TB-VPCP ngày 03/4/2020 kết luận của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc tại cuộc họp Thường trực Chính phủ về việc xuất khẩu gạo trong bối cảnh dịch bệnh và hạn hán, xâm nhập mặn do Văn phòng Chính phủ ban hành.

Thông báo ý kiến của Thủ tướng về việc xuất khẩu gạo trong bối cảnh dịch bệnh và hạn hán, xâm nhập mặn.

Thông báo này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

11. Quyết định số 436/QĐ-BTC ngày 27/3/2020 bổ sung mặt hàng được miễn thuế nhập khẩu tại Danh mục các mặt hàng được miễn thuế nhập khẩu phục vụ việc phòng, chống dịch viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của virus Corona gây ra kèm theo Quyết định số 155/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành.

Bổ sung mặt hàng vải không dệt để sản xuất bộ trang phục phòng chống dịch vào Danh mục các mặt hàng được miễn thuế nhập khẩu phục vụ việc phòng, chống dịch viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của virus Corona gây ra ban hành kèm theo Quyết định số 155/QĐ-BTC ngày 07/02/2020 của



Bộ trưởng Bộ Tài chính .

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

12. Quyết định số 431/QĐ-TTg ngày 27/3/2020 về phê duyệt Đề án quản lý hoạt động thương mại điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu do Thủ tướng Chính phủ ban hành.

Quyết định phê duyệt Đề án quản lý hoạt động thương mại điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

| KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN

1. Quyết định số 384/QĐ-KTNN ngày 10/4/2020 về Kế hoạch cải cách hành chính năm 2020 của Kiểm toán Nhà nước do Kiểm toán Nhà nước ban hành. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Quyết định này Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch cải cách hành chính năm 2020 của Kiểm toán Nhà nước.

2. Thông tư số 19/2020/TT-BTC ngày 31/3/2020 sửa đổi Thông tư số 77/2017/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán Ngân sách nhà nước và hoạt động nghiệp vụ Kho bạc Nhà nước do Bộ Tài chính ban hành.

Thông tư số 19/2020/TT-BTC đã sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 77/2017/TT-BTC ngày 28/7/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Ngân sách nhà nước và hoạt động nghiệp vụ Kho bạc Nhà nước.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/5/2020.

3. Công điện số 333/CD-KTNN ngày 19/3/2020 về triển khai nhiệm vụ kiểm toán trong phòng, chống dịch Covid-19 do Kiểm toán Nhà nước ban hành.

Tổng Kiểm toán nhà nước yêu cầu Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc tiếp tục thực hiện nghiêm các quy định về phòng, chống dịch COVID-19 và nghiêm túc thực hiện tốt các nội dung công việc.

| TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

1. Kế hoạch số 83/KH-UBND ngày 22/4/2020 về thực hiện Nghị quyết 02/NQ-CP về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2020 trên địa bàn TP. Hà Nội.

TP. Hà Nội được Chính phủ ghi nhận là địa phương chủ động, tích cực triển khai thực hiện Nghị quyết; đã đạt được kết quả tích cực, đóng góp vào kết quả chung của cả nước. Tuy nhiên, môi trường kinh doanh của Thành phố vẫn còn một số hạn chế. Một số chỉ số thành phần, một số chỉ tiêu trong chỉ số PCI vẫn xếp hạng thấp, giảm hạng.

2. Kế hoạch số 1455/KH-UBND ngày 21/4/2020 về hỗ trợ doanh nghiệp trong và sau dịch SARS-CoV-2 từ nay đến 31/12/2020 do TP. Hồ Chí Minh ban hành. Thời gian thực hiện: Từ ngày ban hành đến hết năm 2020.

Kế hoạch về hỗ trợ doanh nghiệp trong và sau dịch SARS-CoV-2.

3. Thông báo số 156/TB-VPCP ngày 15/4/2020 kết luận của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc tại cuộc họp về tổ chức Hội nghị của Thủ tướng Chính phủ với doanh nghiệp nhằm tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy sản xuất kinh doanh, tái khởi động nền kinh tế ứng phó với dịch Covid-19 do Văn phòng Chính phủ ban hành.

Thông báo về kết luận của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc tại cuộc họp về tổ chức Hội nghị của Thủ tướng Chính phủ với doanh nghiệp nhằm tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy sản xuất kinh doanh, tái khởi động nền kinh tế ứng phó với dịch Covid-19.



4. Thông báo số 155/TB-VPCP ngày 15/4/2020 kết luận của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc tại cuộc họp Thường trực Chính phủ về phòng, chống dịch COVID-19 do Văn phòng Chính phủ ban hành.

Thủ tướng Chính phủ đánh giá cao TP. Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh và nhiều địa phương đã thực hiện nghiêm túc, đồng bộ, quyết liệt các biện pháp phòng, chống dịch COVID-19 tại các Chỉ thị số 15/CT-TTg và Chỉ thị số 16/CT-TTg được nhân dân cơ bản ủng hộ và đạt kết quả tốt.

5. Kế hoạch số 77/KH-UBND ngày 9/4/2020 của UBND TP. Hà Nội về giám sát tài chính đối với doanh nghiệp nhà nước thuộc UBND TP. Hà Nội năm 2020.

Kế hoạch về giám sát tài chính đối với doanh nghiệp nhà nước thuộc UBND TP. Hà Nội.

6. Nghị định số 44/2020/NĐ-CP ngày 8/4/2020 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành án đối với pháp nhân thương mại.

Nghị định này quy định về cưỡng chế thi hành án đối với pháp nhân thương mại.

7. Hướng dẫn liên ngành số 882/HDLN-BHXXH-LĐTĐ&XH-TC ngày 24/3/2020 về tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất đối với doanh nghiệp gặp khó khăn do dịch Covid-19 do Liên ngành: Bảo hiểm xã hội thành phố - Sở Lao động Thương binh và Xã hội - Sở Tài chính TP. Hà Nội ban hành.

Hướng dẫn liên ngành về tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất đối với doanh nghiệp gặp khó khăn do dịch Covid-19.

và tài chính ngân hàng do Bộ Tài chính ban hành.

Thông tư số 28/2020/TT-BTC bãi bỏ toàn bộ Thông tư số 194/2009/TT-BTC ngày 02/10/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chào mua công khai cổ phiếu của công ty đại chúng, chứng chỉ quỹ của quỹ đầu tư chứng khoán đại chúng dạng đóng.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 02/06/2020.

2. Thông tư số 20/2020/TT-BTC ngày 01/4/2020 sửa đổi Thông tư số 312/2016/TT-BTC quy định về chế độ tài chính đối với Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành.

Thông tư số 20/2020/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 312/2016/TT-BTC ngày 24/ 11/ 2016 của Bộ Tài chính quy định chế độ tài chính đối với Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam.

Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/5/2020.

3. Thông tư số 18/2020/TT-BTC ngày 31/3/2020 công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực hoạt động tiền tệ thực hiện tại Bộ phận Một cửa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Thông tư hướng dẫn việc đăng ký sử dụng tài khoản; thay đổi mẫu dấu, mẫu chữ ký, thay đổi hồ sơ pháp lý; phong tỏa, tắt toán tài khoản; đối chiếu, xác nhận số dư tài khoản; lãi tiền gửi và phí dịch vụ thanh toán cho các đơn vị, tổ chức mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/05/2020.

4. Thông tư số 03/2020/TT-NHNN quy định về tiêu hủy tiền của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành ngày 31/3/2020.

Thông tư này quy định về tiêu hủy tiền giấy (cotton, polymer) và tiền kim loại không đủ tiêu chuẩn lưu thông, tiền đình chỉ lưu hành (sau đây gọi là tiền tiêu hủy).

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/5/2020.

TÍN DỤNG - NGÂN HÀNG – CHỨNG KHOÁN

1. Thông tư số 28/2020/TT-BTC ngày 17/4/2020 bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực chứng khoán, kinh doanh bảo hiểm



5. Thông tư số 04/2020/TT-NHNN ngày 31/3/2020 sửa đổi Thông tư 26/2013/TT-NHNN về Biểu phí dịch vụ thanh toán qua Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Thông tư này sửa đổi Thông tư số 26/2013/TT-NHNN về Biểu phí dịch vụ thanh toán qua Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/4/2020.

6. Thông tư số 02/2020/TT-NHNN ngày 30/3/2020 hướng dẫn về hoạt động thanh toán và chuyển tiền liên quan đến kinh doanh chuyển khẩu hàng hóa do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành.

Thông tư này hướng dẫn hoạt động thanh toán và chuyển tiền liên quan đến giao dịch vắng lai là kinh doanh chuyển khẩu hàng hóa của thương nhân Việt Nam.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/05/2020.

3. Thông tư số 24/2020/TT-BTC ngày 13/4/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 20/2016/TT-BTC ngày 3/2/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện cơ chế quản lý tài chính về BHXH, BHYT, bảo hiểm thất nghiệp và chi phí quản lý BHXH, BHYT, bảo hiểm thất nghiệp do Bộ Tài chính ban hành.

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 30/5/2020. Riêng đối với các nội dung quy định tại các khoản 1, 2, 3, 5, 6 và 7 Điều 1 Thông tư này được thực hiện từ năm tài chính 2019 theo quy định tại Quyết định số 38/2019/QĐ-TTg.

4. Công văn số 1165/BHXH-ST ngày 13/4/2020 gửi Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc lạm dụng chính sách bảo hiểm xã hội của người lao động do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam ban hành.

Theo đó, BHXH Việt Nam đề nghị Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thống nhất cho phép cơ quan BHXH các cấp tạm thời không nhận hồ sơ của người lao động ủy quyền cho người khác nộp hồ sơ và nhận hộ tiền hưởng trợ cấp BHXH một lần, trừ trường hợp người lao động bị ốm đau, tai nạn lao động không thể đến cơ quan BHXH (có Giấy xác nhận của cơ sở y tế về tình trạng sức khỏe của người ủy quyền) để tránh lạm dụng và việc mua bán lừa đảo đang diễn ra hàng ngày.

5. Công văn số 1164/BHXH-CSBH ngày 13/4/2020 về việc thực hiện Công văn số 2858/VPCP-NC về ngăn chặn trục lợi hưởng BHXH gửi BHXH các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam ban hành.

Theo đó, BHXH Việt Nam yêu cầu BHXH các tỉnh, thành phố khẩn trương rà soát, nắm tình hình thu gom, mua bán sổ BHXH tại địa bàn quản lý theo phản ánh của báo chí; Thực hiện đúng quy định của chính sách pháp luật về BHXH, các quy trình nghiệp vụ và chỉ đạo của BHXH Việt Nam tại Công văn số 4733/BHXH-CSXH...

6. Công văn số 1072/BHXH-CSYT ngày 1/4/2020 về việc đảm bảo quyền

| BẢO HIỂM XÃ HỘI, TIỀN CÔNG, TIỀN LƯƠNG

1. Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24/4/2020 quy định về việc thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 do Thủ tướng Chính phủ ban hành.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành. Các chế độ quy định tại Quyết định này được áp dụng từ ngày 01/4/2020.

2. Công văn số 2146/BYT-BH ngày 17/4/2020 về việc thanh toán chi phí khám chữa bệnh bảo hiểm y tế liên quan đến dịch COVID-19 do Bộ Y tế ban hành.

Theo đó, Bộ Y tế hướng dẫn tạm thời việc thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh BHYT đối với người có thể BHYT trong thời gian cách ly y tế tập trung và một số trường hợp khác trong thời gian dịch bệnh do COVID-19.



lợi cho người có thẻ BHYT khi cơ sở khám chữa bệnh bị cách ly y tế hoặc thay đổi nhiệm vụ điều trị Covid-19 gửi BHXH các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; BHXH Bộ Quốc phòng, BHXH Công an nhân dân do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam ban hành.

BHXH Việt Nam hướng dẫn BHXH các tỉnh phối hợp với Sở Y tế kịp thời hướng dẫn việc tổ chức khám chữa bệnh BHYT ban đầu và chuyển tuyến khám chữa bệnh BHYT khi có cơ sở khám chữa bệnh BHYT trên địa bàn bị cách ly y tế hoặc được cấp có thẩm quyền phê duyệt thực hiện nhiệm vụ tiếp nhận, sàng lọc, cấp cứu, cách ly, điều trị các trường hợp mắc/nghi mắc bệnh viêm đường hô hấp do chủng vi rút SARS-COV-2...

7. Công văn số 1071/BHXH-BT ngày 01/4/2020 về việc cấp, gia hạn thẻ BHYT gửi BHXH các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam ban hành.

BHXH Việt Nam yêu cầu Giám đốc BHXH các tỉnh, thành phố trực thuộc

Trung ương thực hiện thông báo đến các Đại lý thu BHXH, BHYT tiếp nhận hồ sơ và thu tiền đóng BHYT đối với các trường hợp tăng mới hoặc gia hạn thẻ BHYT; Bố trí cán bộ thường trực để thực hiện việc cấp, đổi, gia hạn thẻ BHYT để đảm bảo quyền lợi cho người tham gia...

8. Công văn số 1020/BHXH-TCKT ngày 30/3/2020 về việc bổ sung một số nội dung thực hiện chi trả lương hưu, trợ cấp BHXH, BHTN tháng 4, 5/2020 qua hệ thống bưu điện trong thời gian phòng, chống dịch Covid-19 gửi Tổng công ty Bưu điện Việt Nam; BHXH các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam ban hành.

BHXH Việt Nam hướng dẫn bổ sung việc chi trả lương hưu, trợ cấp BHXH, BHTN tháng 4 và tháng 5/2020 vào cùng một kỳ chi trả. Cơ quan bưu điện xây dựng phương án tổ chức chi trả lương hưu, trợ cấp BHXH, BHTN cho người hưởng nhận bằng tiền mặt đảm bảo an toàn không được tập trung đông người theo đúng chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

HƯỚNG DẪN CHÍNH SÁCH

NHỮNG ĐIỀU CẦN BIẾT VỀ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Phân tích một số nội dung cần lưu ý đối với doanh nghiệp khi sử dụng hóa đơn điện tử như: Điều kiện để hóa đơn điện tử phải hợp lệ, thời điểm lập hóa đơn điện tử hợp pháp, quy định về chuyển đổi hóa đơn điện tử sang hóa đơn giấy...

Bạn đọc có thể tìm kiếm thêm thông tin tại www.tapchitaichinh.vn.



NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN LƯU Ý VỚI DOANH NGHIỆP KHI SỬ DỤNG HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

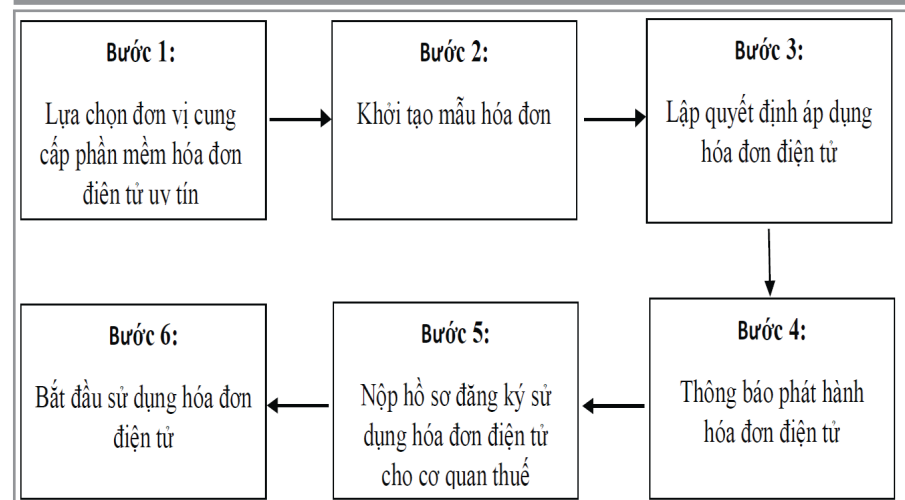
Trước bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0, thương mại điện tử phát triển mạnh mẽ, xu hướng giao dịch mua bán, thanh toán bằng các hình thức thanh toán điện tử ngày càng phổ biến. Đây là điều kiện thuận lợi để triển khai hóa đơn điện tử, góp phần mang lại những lợi ích đa chiều cho cả doanh nghiệp và cơ quan nhà nước. Bài viết phân tích một số nội dung cần lưu ý đối với doanh nghiệp khi sử dụng hóa đơn điện tử như: Điều kiện để hóa đơn điện tử phải hợp lệ, thời điểm lập hóa đơn điện tử hợp pháp, quy định về chuyển đổi hóa đơn điện tử sang hóa đơn giấy...

Khái quát về hóa đơn điện tử

Hóa đơn điện tử (HĐĐT) là một hình thức thanh toán điện tử được sử dụng bởi các đối tác thương mại để trình bày, giám sát các tài liệu giao dịch với nhau và đảm bảo các điều khoản trong thỏa thuận giao dịch của họ được đáp ứng.

HĐĐT bao gồm: Hóa đơn giá trị gia tăng, hóa đơn bán hàng, tem điện tử, vé điện tử, thẻ điện tử, phiếu thu điện tử, phiếu xuất kho kiêm vận chuyển điện tử hoặc các chứng từ điện tử có tên gọi khác. Sử dụng HĐĐT góp phần giúp DN cắt giảm chi phí so với sử dụng hóa đơn giấy (chi phí giấy in, mực in, vận chuyển, lưu trữ hóa đơn, không gian lưu trữ hóa đơn...), giảm chi phí tuân thủ các thủ tục hành chính, thủ tục về thuế... Đồng thời, HĐĐT cũng tạo rất nhiều thuận lợi trong việc quản lý cho các cơ quan nhà nước nói chung và cơ quan thuế nói riêng. Việc triển khai HĐĐT của DN giúp cơ quan thuế thuận tiện cho việc xây dựng cơ sở dữ liệu về hóa đơn, tinh giản quy trình đối chiếu hóa đơn.

HÌNH 1: CÁC BƯỚC ĐĂNG KÝ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ



Nguồn: Tác giả tổng hợp

DN có thể tiến hành đăng ký sử dụng HĐĐT theo các bước trong Hình 1.

Nội dung cần lưu ý đối với doanh nghiệp khi sử dụng hóa đơn điện tử

Một trong những kết quả từ cuộc khảo sát của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) phối hợp với Tổng cục Thuế thực hiện thì có 77% DN mong muốn dùng HĐĐT trong giao dịch và 70% trong số đó hiện đã sẵn sàng để triển khai, còn 23% số DN chưa muốn sử dụng HĐĐT vì nhiều lý do khác nhau.

Trong bài viết này tác giả đưa ra một số vấn đề kế toán cần lưu ý trong quá



trình sử dụng HĐĐT để đảm bảo việc sử dụng HĐĐT được thông suốt và đúng quy định của pháp luật.

Một là, HĐĐT phải hợp lệ.

HĐĐT hợp lệ phải thỏa mãn những điều kiện quy định tại Khoản 3 Điều 3 của Thông tư số 32/2011/ TT-BTC của Bộ Tài chính bao gồm:

- Có sự đảm bảo đủ tin cậy về tính toàn vẹn của thông tin chứa trong HĐĐT từ khi thông tin được tạo ra ở dạng cuối cùng là HĐĐT.
- Thông tin chứa trong HĐĐT có thể truy cập, sử dụng được dưới dạng hoàn chỉnh khi cần thiết.

Như vậy, HĐĐT hợp lệ cần các chỉ tiêu: Thông tin hóa đơn (bao gồm mẫu số, ký hiệu hóa đơn, ký hiệu mẫu, số thứ tự hóa đơn); thông tin người bán trên hóa đơn (bao gồm tên công ty, địa chỉ, mã số thuế); thông tin người mua trên hóa đơn (bao gồm tên công ty, địa chỉ, mã số thuế); nội dung hàng hóa dịch vụ (bao gồm số thứ tự, tên hàng hóa dịch vụ, đơn vị tính, số lượng, đơn giá, thành tiền...

Hai là, HĐĐT phải có đầy đủ nội dung.

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 6 Nghị định số 119/2018/NĐ-CP ngày 12/9/2018 của Chính phủ, HĐĐT đầy đủ nội dung gồm:

- Tên hóa đơn, ký hiệu hóa đơn, ký hiệu mẫu số hóa đơn, số hóa đơn; Thông tin người bán; Thông tin người mua;
- Tên, đơn vị tính, số lượng, đơn giá hàng hóa, dịch vụ; thành tiền chưa có thuế giá trị gia tăng, thuế suất thuế giá trị gia tăng, tổng số tiền thuế giá trị gia tăng theo từng loại thuế suất, tổng cộng tiền thuế giá trị gia tăng, tổng tiền thanh toán đã có thuế giá trị gia tăng trong trường hợp là hóa đơn giá trị gia tăng; Tổng số tiền thanh toán ghi bằng chữ;
- Chữ ký điện tử theo quy định của pháp luật của người bán; ngày, tháng năm lập và gửi hóa đơn; Chữ ký điện tử theo quy định của pháp luật của người mua trong trường hợp người mua là đơn vị kế toán;

- Mã của cơ quan thuế đối với HĐĐT có mã của cơ quan thuế; Phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước và nội dung khác liên quan (nếu có).

Ba là, thời điểm lập HĐĐT hợp pháp.

Thời điểm lập HĐĐT đối với bán hàng hóa là thời điểm người bán chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hàng hóa cho người mua, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.

Đối với trường hợp người bán cung cấp dịch vụ cho người mua thì thời điểm lập HĐĐT là thời điểm hoàn thành việc cung cấp dịch vụ hoặc thời điểm lập hóa đơn cung cấp dịch vụ, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.

Trường hợp người bán giao hàng nhiều lần hoặc bàn giao từng hạng mục, công đoạn dịch vụ thì mỗi lần giao hàng hoặc bàn giao, người bán đều phải lập hóa đơn cho khối lượng, giá trị hàng hóa, dịch vụ được giao tương ứng. Điều đó cho thấy, HĐĐT không được phép lập lùi ngày hoặc cách số hóa đơn.

Tuy nhiên hiện nay, tại một số DN sử dụng HĐĐT, kế toán thường xác định thời điểm lập HĐĐT theo thời điểm người bán ký số, ký điện tử trên hóa đơn được hiển thị theo định dạng ngày, tháng, năm. Điều này làm cho kế toán tại các DN gặp khó khăn khi thực hiện kê khai thuế giá trị gia tăng.

Bốn là, HĐĐT sử dụng hóa đơn nhiều trang thay cho bảng kê.

Với hóa đơn giấy, trường hợp số lượng mặt hàng mua nhiều, không thể viết hết trong một trang hóa đơn thì kế toán sẽ sử dụng bảng kê để liệt kê chi tiết các mặt hàng và ghi số bảng kê trên hóa đơn. Với HĐĐT, kế toán sẽ không sử dụng bảng kê mà sẽ ghi trên nhiều trang hóa đơn; trong đó thông tin người mua, người bán được ghi đầy đủ ở hóa đơn đầu tiên, nội dung hóa đơn liệt kê đủ các mặt hàng theo thứ tự liên tục từ hóa đơn này đến hóa đơn khác, chữ ký và dấu người bán (nếu có), chữ ký người mua, giá thanh toán, phụ thu, phí thu thêm, chiết khấu thương mại, thuế giá trị gia tăng được ghi



trong hóa đơn cuối cùng. Điều này rất thuận lợi khi DN lưu trữ dữ liệu trên máy. Tuy nhiên, nếu HĐĐT nhiều trang được chuyển đổi sang hóa đơn giấy thì việc theo dõi số hóa đơn, số lượng mặt hàng, cũng như tổng số tiền trên một hóa đơn sẽ khá là phức tạp và khó khăn do đầu hóa đơn và cuối hóa đơn ở các trang khác nhau.

Năm là, trường hợp doanh nghiệp đã thông báo phát hành hóa đơn trước khi có quy định về HĐĐT.

Khi DN đã thông báo phát hành hóa đơn đặt in, hóa đơn tự in, hoặc đã mua hóa đơn của cơ quan thuế để sử dụng trước ngày 01/11/2018 (là ngày Nghị định số 119/2018/NĐ-CP ngày 12/9/2018 của Chính phủ) thì được tiếp tục sử dụng hóa đơn đặt in, hóa đơn tự in, hóa đơn đã mua đến hết ngày 31/10/2020 và thực hiện các thủ tục về hóa đơn theo quy định tại các Nghị định số 51/2010/NĐ-CP và Nghị định số 04/2014/NĐ-CP quy định về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.

Trong thời gian từ ngày 01/11/2018 đến ngày 31/10/2020, trường hợp cơ quan thuế thông báo cơ sở kinh doanh chuyển đổi để áp dụng HĐĐT có mã nếu cơ sở kinh doanh chưa đáp ứng điều kiện về hạ tầng công nghệ thông tin mà tiếp tục sử dụng hóa đơn đặt in, hóa đơn tự in, hoặc đã mua hóa đơn của cơ quan thuế thì cơ sở kinh doanh thực hiện gửi dữ liệu hóa đơn đến cơ quan thuế cùng với việc nộp tờ khai thuế giá trị gia tăng. Cơ quan thuế xây dựng dữ liệu hóa đơn của các cơ sở kinh doanh để đưa vào cơ sở dữ liệu hóa đơn và đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế phục vụ việc tra cứu dữ liệu hóa đơn.

Sáu là, quy định về chuyển đổi HĐĐT sang hóa đơn giấy.

Người bán hàng hóa được chuyển đổi HĐĐT sang hóa đơn giấy để chứng minh nguồn gốc xuất xứ hàng hóa hữu hình trong quá trình lưu thông và chỉ được chuyển đổi một lần. HĐĐT chuyển đổi phải đảm bảo phản ánh toàn vẹn nội dung của HĐĐT gốc, có ký hiệu riêng xác nhận đã được chuyển đổi từ HĐĐT sang hóa đơn giấy; có chữ ký, họ tên của người thực hiện chuyển



từ HĐĐT sang hóa đơn giấy và có chữ ký người đại diện theo pháp luật của người bán, dấu của người bán.

Bảy là, về việc lựa chọn nhà cung cấp HĐĐT.

DN cung cấp HĐĐT phải đáp ứng các điều kiện theo Thông tư số 68/2019/TT-BTC như sau: Có kinh nghiệm trong việc xây dựng giải pháp công nghệ thông tin và giải pháp trao đổi dữ liệu điện tử giữa các tổ chức; có cam kết bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam với giá trị trên 5 tỷ đồng để giải quyết các rủi ro và bồi thường thiệt hại có thể xảy ra

trong quá trình cung cấp dịch vụ; có nhân viên kỹ thuật trình độ đại học thường xuyên theo dõi, kiểm tra để duy trì hoạt động ổn định của hệ thống trao đổi dữ liệu điện tử và hỗ trợ người sử dụng dịch vụ HĐĐT; có hệ thống thiết bị, kỹ thuật, quy trình sao lưu dữ liệu tại trung tâm dữ liệu chính và hệ thống thiết bị, kỹ thuật dự phòng sẵn sàng hoạt động khi hệ thống chính gặp sự cố; kết nối trao đổi dữ liệu HĐĐT với cơ quan thuế phải đáp ứng yêu cầu chặt chẽ theo quy định.

Hiện nay, có nhiều nhà cung cấp phần mềm HĐĐT đáp ứng được các tiêu chí trên, tuy nhiên vẫn tồn tại những phần mềm cho phép hóa đơn xuất ra lùi ngày, nhảy số... Điều này là không đúng theo quy định của pháp luật. Kế toán tại DN đang sử dụng những phần mềm như vậy cần yêu cầu nhà cung cấp sửa lỗi, hoặc đổi sang nhà cung cấp khác để đảm bảo HĐĐT khi xuất ra đúng theo quy định về thời điểm lập hóa đơn.

Tóm lại, một số sai sót khi sử dụng HĐĐT.

Trường hợp phát hiện sai sót khi hóa đơn đã phát hành và gửi cho người mua nhưng chưa giao hàng cung ứng dịch vụ hoặc người bán và người mua chưa kê khai Thuế thì cả hai bên sẽ phải thực hiện các công việc sau: Người mua và người bán thỏa thuận về việc xóa bỏ hóa đơn sai. Sau đó người bán thực hiện lập HĐĐT thay thế cho hóa đơn sai để gửi cho người mua, trên hóa đơn thay thế phải có dòng chữ "hóa đơn này thay thế hóa

đơn số... ký hiệu... gửi ngày tháng năm..." HĐĐT đã xóa bỏ phải được lưu trữ phục vụ việc tra cứu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Trường hợp phát hiện sai sót khi hóa đơn đã phát hành và gửi cho người mua, đã giao hàng hóa, cung ứng dịch vụ, người bán và người mua đã kê khai Thuế, sau đó phát hiện sai sót thì người bán và người mua phải lập văn bản thỏa thuận có chữ ký điện tử của cả hai bên và ghi rõ sai sót. Đồng thời, người bán lập HĐĐT điều chỉnh sai sót. HĐĐT lập sau ghi rõ điều chỉnh (tăng, giảm) số lượng hàng hoá, giá bán, thuế suất thuế giá trị gia tăng, tiền thuế giá trị gia tăng cho hoá đơn điện tử số... ký hiệu... Căn cứ vào HĐĐT điều chỉnh, người bán và người mua thực hiện kê khai điều chỉnh theo quy định của pháp luật về quản lý thuế và hóa đơn hiện hành. Hoá đơn điều chỉnh không được ghi số âm (-).

Tóm lại, Nghị định số 119/2018/NĐ-CP ngày 12/9/2018 của Chính phủ, yêu cầu các DN, hộ kinh doanh cả nước buộc phải chuyển sang sử dụng HĐĐT (chậm nhất là ngày 01/11/2020 phải thực hiện xong đối với các DN, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ, cá nhân kinh doanh). Hy vọng những vấn đề được đưa ra sẽ góp phần tạo thuận lợi cho kế toán tại các DN, hộ, cá nhân kinh doanh sử dụng HĐĐT được hiệu quả và đúng theo quy định của Nhà nước.

Nguyễn Hoàng Lan, Lê Tuyết Nhung



THÔNG TIN CẦN QUAN TÂM



**Không thanh tra,
kiểm tra thuế doanh
nghiệp bị ảnh hưởng
bởi dịch covid-19**

**Cảnh báo lừa đảo
người dùng qua website
mạo danh ngân hàng**

Bạn đọc có thể tìm kiếm thêm thông tin tại [www. tapchitaichinh.vn](http://www.tapchitaichinh.vn).



Không thanh tra, kiểm tra thuế doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19

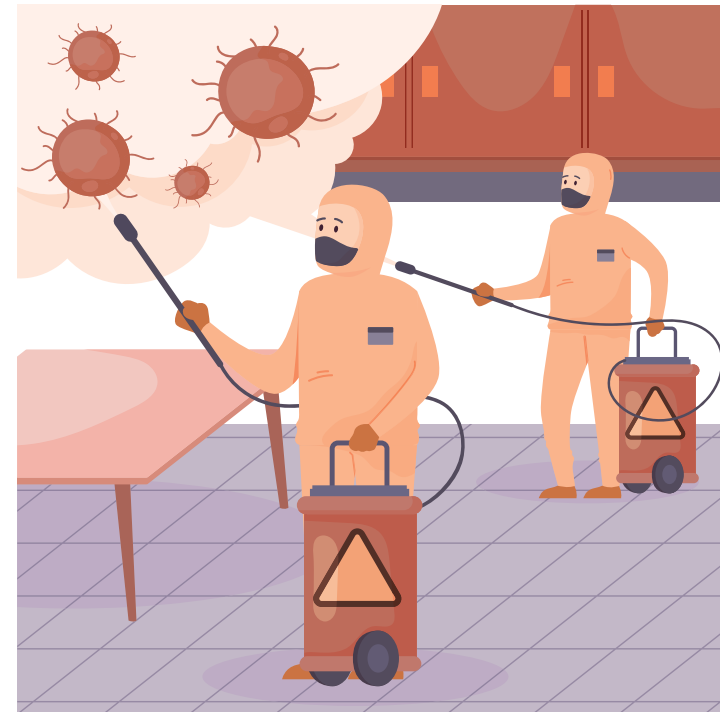
Trước tác động của dịch Covid-19, Thủ tướng Chính phủ đã có chỉ thị đối với công tác thanh tra của các bộ, ngành. Ông Vũ Mạnh Cường, Vụ trưởng Vụ Thanh tra, kiểm tra thuế (Tổng cục Thuế) trao đổi cụ thể về những thay đổi trong kế hoạch thanh tra, kiểm tra thuế trong năm 2020.

PV: Thực hiện Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ và các chỉ đạo của Tổng cục Thuế về hoạt động thanh tra, kiểm tra trong bối cảnh dịch bệnh, Vụ Thanh tra, kiểm tra thuế đã triển khai nhiệm vụ như thế nào?

Ông Vũ Mạnh Cường: Thực hiện nghiêm Chỉ thị số 11/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp cấp bách tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, đảm bảo an sinh xã hội ứng phó với dịch Covid-19, Tổng cục Thuế đã ban hành Công văn số 1046/TCT-TTKT về việc triển khai và tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra (TTKT).

Theo đó, trên cơ sở danh sách doanh nghiệp (DN) thuộc kế hoạch TTKT năm 2020 đã được phê duyệt, Vụ TTKT thuế đã chỉ đạo các cục thuế tiến hành rà soát, tập trung TTKT trước đối với DN có rủi ro cao về thuế. Riêng các DN chịu ảnh hưởng của dịch bệnh, cụ thể như trong các lĩnh vực nhà hàng, khách sạn, du lịch, hàng không... thì dù có trong kế hoạch cũng chưa thực hiện TTKT.

Cạnh đó, yêu cầu cơ quan thuế các cấp tập trung xem xét phân tích rủi ro chuyên sâu, báo cáo cấp trên để thực hiện điều chỉnh kế hoạch đối với các DN có yếu tố rủi ro thấp theo quy định. Quá trình phân tích chuyên sâu được thực hiện thông qua các báo cáo của DN và thông tin cơ quan thuế thu thập để hạn chế tiếp xúc và giảm thời gian làm việc tại DN.



Ngoài việc không TTKT đối với các trường hợp bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19, để DN yên tâm sản xuất kinh doanh, Vụ TTKT thuế cũng yêu cầu các cục thuế thực hiện nghiêm Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 17/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ. Cụ thể là không TTKT ngoài kế hoạch, trừ trường hợp đặc biệt được giao; thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc công tác TTKT nhằm kịp thời phát hiện, xử lý trùng lặp về phạm vi, đối tượng, nội dung, thời gian TTKT. Đối với các trường hợp chồng chéo trong kế hoạch thanh tra, thì thực hiện theo đúng nguyên tắc và thẩm quyền được quy định tại



Điều 15, Nghị định số 82/2012/NĐ-CP của Chính phủ về tổ chức và hoạt động thanh tra ngành Tài chính.

Có thể thấy, ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết công việc là xu thế và yêu cầu tất yếu của công tác quản lý hành chính, nhất là trong thời điểm thực hiện giãn cách xã hội vì dịch bệnh. Với tiêu chuẩn này, công tác TTKT thuế đã đáp ứng được đến đâu?

Thực hiện chỉ đạo của Tổng cục Thuế về đẩy mạnh ứng dụng CNTT vào tất cả quy trình, công việc của quản lý thuế nói chung và công tác TTKT thuế nói riêng, những năm qua, hệ thống TTKT trong toàn ngành Thuế đã tập trung nghiên cứu, sửa đổi hoàn thiện chính sách và quy trình quản lý liên quan trên nền tảng công nghệ hóa, nhất là xây dựng hệ thống dữ liệu chuyên ngành phục vụ TTKT thuế.

Nhờ đó đến nay, công tác TTKT có công cụ hỗ trợ hiệu quả là phương pháp phân tích rủi ro dựa trên các ứng dụng quản lý thuế như TMS, BCTC, TPH, TTR... để lựa chọn đúng và trúng đối tượng cần TTKT. Cũng nhờ đó, chúng tôi giảm thiểu yêu cầu cung cấp số liệu từ DN, nếu có thì DN cũng gửi số sách, báo cáo qua hòm thư điện tử để các công chức chủ động kiểm tra trên máy tính cá nhân, hạn chế thấp nhất những phiền phức có thể gây ra khi triển khai công việc.

Mặt khác, quy trình thực hiện công tác TTKT đã bắt buộc cơ quan thuế phải thực hiện nghiêm túc việc nhập dữ liệu kết quả TTKT hàng tháng vào ứng dụng hỗ trợ TTKT TTR theo đúng thời gian quy định. Cục Thuế các địa phương phải phân công việc nhập dữ liệu vào phần mềm ứng dụng TTR đến từng phòng, đoàn, cán bộ TTKT và phải có đầu mối theo dõi, đôn đốc, kiểm tra để đảm bảo việc nhập dữ liệu chính xác, kịp thời, phục vụ công tác báo cáo thường xuyên, định kỳ, đột xuất.

Ngoài ra, cơ quan thuế còn có nhiệm vụ tập hợp các thông tin liên quan đến DN trên các trang mạng và các thông tin ngoài ngành khác để đối chiếu phân tích. Đây chính là cơ sở để hệ thống dữ liệu ngày càng đầy đủ,

hoàn thiện, phục vụ đắc lực, hiệu quả cho công tác TTKT.

Mặc dù vậy, do đặc thù công việc TTKT luôn phải đấu tranh quyền lợi giữa công (là NSNN) và tư (quyền lợi DN) nên để thực hiện tốt nhiệm vụ, cùng với việc thường xuyên quán triệt các cán bộ, công chức làm công tác TTKT thuế tuân thủ nghiêm ngặt quy trình nghiệp vụ cũng như quy trình giám sát TTKT, thực hiện việc ghi nhật ký điện tử đầy đủ theo đúng quy định, ngành Thuế còn tăng cường nhiều biện pháp giáo dục tư tưởng, đạo đức công vụ, trao đổi kinh nghiệm nghiệp vụ, nhằm nâng cao năng lực và kỹ năng cho công chức trong công tác, đảm bảo đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

Cụ thể trong bối cảnh dịch bệnh hiện nay, ngành Thuế sẽ thực hiện công tác TTKT theo quy trình như thế nào để vừa đảm bảo không gây phiền hà cho DN nhưng cũng không để DN lợi dụng chính sách để trốn thuế, làm thất thu NSNN?

Công tác TTKT thuế là một trong những chức năng quan trọng trong công tác quản lý thuế, không chỉ góp phần tăng thu NSNN mà còn mang lại sự công bằng giữa các DN, ngăn chặn, răn đe đối với các trường hợp có hành vi vi phạm về thuế. Hiện nay, việc lựa chọn kế hoạch TTKT thuế được thực hiện theo nguyên tắc rủi ro, nghĩa là chỉ những DN có điểm rủi ro cao được lựa chọn qua ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ lập kế hoạch TTKT và cơ sở dữ liệu ngành Thuế quản lý mới đưa vào kế hoạch DN. Do đó đã tạo thuận lợi tối đa cho DN, giúp cho công tác quản lý thuế ngày càng hiệu quả. Theo đó, đối với các DN thuộc kế hoạch TTKT năm 2020 đã được phê duyệt, các DN qua phân tích có rủi ro cao thì vẫn thực hiện TTKT. Đối với các DN có rủi ro thấp cũng như nhóm chịu ảnh hưởng trực tiếp của dịch bệnh, sẽ phân tích rủi ro và xem xét để điều chỉnh theo như tinh thần chỉ đạo tại Chỉ thị số 11/CT-TTg ngày 4/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

Xin cảm ơn ông!

Theo Huyền Bảo/TCT Online



Người khai hải quan chịu trách nhiệm về việc sử dụng mã số, mã vạch in trên hàng hóa

Ngày 10/4, Tổng cục Hải quan ban hành Công văn số 2324/TCHQ-GSQL chỉ đạo Cục Hải quan các tỉnh, thành phố thống nhất thực hiện làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu. Theo đó, công chức hải quan không yêu cầu người khai hải quan phải xuất trình văn bản xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về việc sử dụng mã số, mã vạch nước ngoài.

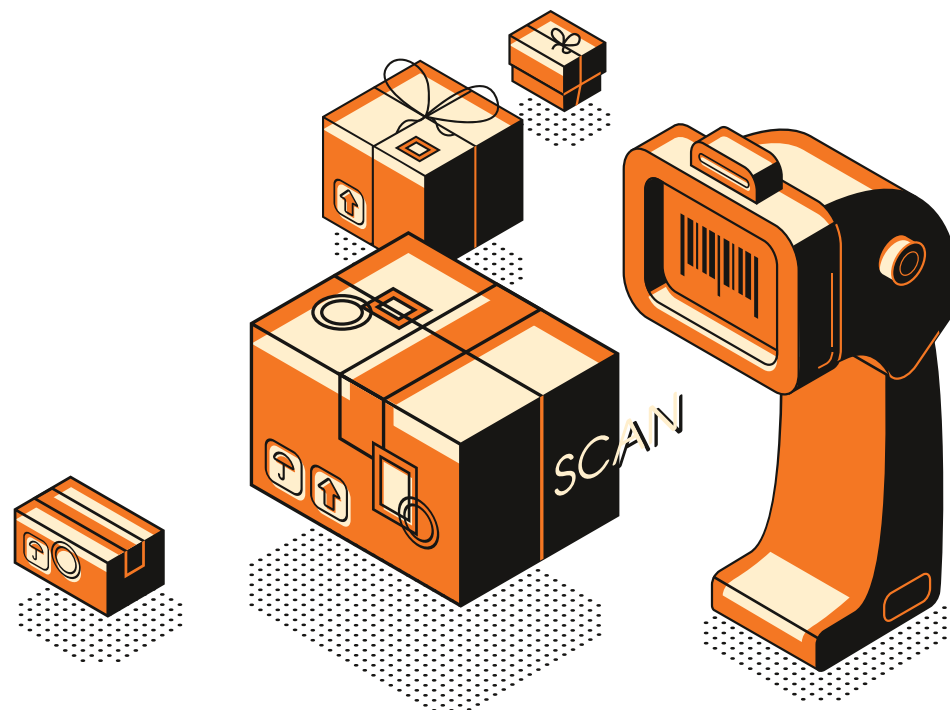
Thời gian qua, một số doanh nghiệp xuất khẩu mặt hàng thủy sản phản ánh với Tổng cục Hải quan về việc kiểm tra chứng từ liên quan đến việc sử dụng mã số, mã vạch trên bao bì, sản phẩm hàng hóa xuất khẩu.

Đồng thời, ngày 31/3/2020, Hiệp hội chế biến và xuất khẩu thủy sản Việt Nam (VASEP) có kiến nghị gửi tới Tổng cục Đo lường Chất lượng (Bộ Khoa học và Công nghệ), yêu cầu giải quyết vướng mắc trong quy định mã số mã vạch trên bao bì hàng xuất khẩu.

Trong đó, có vấn đề về việc Hải quan các cửa khẩu yêu cầu các lô hàng xuất khẩu đều phải có Giấy xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về mã số, mã vạch cho các trường hợp cụ thể khi đăng ký sử dụng mã số mã vạch nước ngoài.

Trước tình hình đó, nhằm tạo thuận lợi cho doanh nghiệp, đồng thời căn cứ quy định tại khoản 2, Điều 19b của Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Chất lượng sản phẩm, Tổng cục Hải quan chỉ đạo Cục Hải quan các tỉnh, thành phố thống nhất thực hiện làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu.

Cụ thể, công chức hải quan không yêu cầu người khai hải quan phải xuất



trình văn bản xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về việc sử dụng mã số, mã vạch nước ngoài. Người khai hải quan chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc sử dụng mã số, mã vạch của nước ngoài in trên hàng hóa, bao bì sản phẩm xuất khẩu.

Các trường hợp vi phạm sẽ bị xử phạt hành chính theo quy định tại Nghị định số 119/2017/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

Việt Hoàng



Cảnh báo lừa đảo người dùng qua website mạo danh ngân hàng

Gần đây, theo ghi nhận của các chuyên gia, trên internet lại xuất hiện nhiều trang giả mạo website của các ngân hàng, tổ chức tài chính để lừa đánh cắp thông tin tài khoản dịch vụ ngân hàng điện tử, từ đó chiếm đoạt tiền của người dùng.

Trong thông tin mới phát ra khuyến nghị người dùng cảnh giác với chiến dịch lừa đảo mạo danh ngân hàng, Công ty cổ phần An toàn thông tin CyRadar cho biết, ngày 3/3, CyRadar nhận được một báo cáo từ người sử dụng Internet Banking của ngân hàng cho biết, họ đang là nạn nhân của một cuộc tấn công lừa đảo trực tuyến.

Cụ thể, chiêu thức được đối tượng xấu sử dụng là gửi tin nhắn dụ người dùng click vào đường dẫn mở tới một trang web lừa đảo. Người dùng sẽ bị lấy mất tài khoản Internet Banking nếu điền thông tin trên website này. Sau khi lấy cắp được tài khoản Internet Banking, đối tượng lừa đảo sẽ tìm cách chiếm đoạt số tiền trong tài khoản ngân hàng của nạn nhân.

Điều đáng nói, hình thức lừa đảo người dùng qua website mạo danh các ngân hàng, tổ chức tài chính từng nhiều lần được các chuyên gia cảnh báo và lại tái xuất hiện trong thời gian gần đây.

Chuyên gia CyRadar cho biết, các cuộc tấn công lừa đảo trực tuyến diễn ra khá phổ biến, nhắm vào những người sử dụng thường xuyên giao dịch online. Theo thống kê của CyRadar, chỉ riêng trong tháng 2/2020, đã có 767 tên miền lừa đảo mới được đăng ký. Trong đó, có 80 tên miền liên quan tới tài chính, ngân hàng, chiếm khoảng 10%.

Mới đây, cuối tháng 2/2020, Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) đã có thông báo cảnh báo người dùng về gian lận



dịch vụ ngân hàng điện tử qua website giả mạo.

Vietcombank cho biết, thời gian gần đây, trên internet xuất hiện nhiều trang website giả mạo website của Vietcombank như vietcombankwubank.weebly.com; vietcombankvnk.weebly.com; vietcombank-dv-nhanh.weebly.com; ngan-hang-vcb-online-247-nhan-tien-quoc-te.weebly.com...

Mục đích của đối tượng lừa đảo là thông qua các website giả mạo này để thực hiện lấy cắp thông tin sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử, từ đó chiếm đoạt tiền trên tài khoản ngân hàng của khách hàng.

Để phòng tránh các thiệt hại gây ra bởi tấn công lừa đảo trực tuyến, các chuyên gia khuyến nghị, người dùng không click vào những link bất thường; trang bị phần mềm bảo mật phù hợp. Đặc biệt, người dùng cần phải để ý, kiểm tra kỹ tên miền của trang web trước khi điền thông tin tài khoản; đồng thời nên cài đặt thêm mã OTP cho các tài khoản e mail, mạng xã hội hay tài khoản ngân hàng của mình để đề phòng bị mất mật khẩu.

Lê Hà (t/h)



THÔNG TIN HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ



THỰC THI CÁC HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO THỂ HỆ MỚI

Trong chuyên mục Thông tin hội nhập kinh tế quốc tế, Ban biên tập tập hợp các bài viết của chuyên gia liên quan đến việc Việt Nam triển khai và thực thi các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới (FTA).

Bạn đọc có thể tìm kiếm thêm thông tin tại [www. tapchitaichinh.vn](http://www.tapchitaichinh.vn).



| Quy định về dịch vụ và đầu tư trong CPTTP

Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), là một hiệp định thương mại tự do (FTA) thế hệ mới, gồm 11 nước thành viên gồm: Australia, Brunei Darussalam, Canada, Chile, Nhật Bản, Malaysia, Mexico, Peru, New Zealand, Singapore và Việt Nam. Một trong những nội dung thu hút sự quan tâm của cộng đồng doanh nghiệp, nhà đầu tư là các quy định liên quan đến dịch vụ và đầu tư.

Bốn nghĩa vụ về dịch vụ và đầu tư

Hiệp định CPTPP quy định 4 nghĩa vụ chủ chốt về dịch vụ và đầu tư gồm:

- *Đối xử quốc gia (NT)*: Nước thành viên phải đảm bảo các nhà cung cấp dịch vụ của nước CPTPP khác được đối xử không kém thuận lợi hơn các nhà cung cấp dịch vụ trong nước.
- *Đối xử tối huệ quốc (MFN)*: Nước thành viên phải đảm bảo các nhà cung cấp dịch vụ của một nước CPTPP được đối xử không kém thuận lợi hơn các nhà cung cấp dịch vụ của các nước thành viên khác hoặc của bất cứ nước hay vùng lãnh thổ không phải là thành viên của hiệp định.
- *Tiếp cận thị trường (MA)*: Nước thành viên không được phép duy trì các biện pháp hạn chế tiếp cận thị trường đối với các nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài. Các biện pháp hạn chế tiếp cận thị trường được phân chia thành 5 loại như sau: (i) Hạn chế về số lượng nhà cung cấp dịch vụ; (ii) Hạn chế về tổng giá trị các giao dịch hoặc tài sản; (iii) Hạn chế về tổng số hoạt động dịch vụ hoặc số lượng dịch vụ cung cấp; (iv) Hạn chế về số lượng lao động; (v) Hạn chế về hình thức thành lập doanh nghiệp (DN).
- *Hiện diện tại nước sở tại (LP)*: Nước thành viên không được yêu cầu nhà cung cấp dịch vụ của nước tham gia Hiệp định CPTPP phải thiết lập hoặc duy trì văn phòng đại diện hay bất cứ hình thức công ty nào hay yêu cầu



họ phải đáp ứng yêu cầu về thường trú như là điều kiện để được cung cấp dịch vụ.

Các nghĩa vụ chính về đầu tư

Các nghĩa vụ chính

Ngoài nghĩa vụ NT và MFN như trong lĩnh vực thương mại dịch vụ (TMDV), chương Đầu tư của Hiệp định CPTPP có một số nghĩa vụ chính như sau:



- *Tiêu chuẩn đối xử tối thiểu*: Các nước cam kết dành cho các nhà đầu tư nước ngoài sự đối xử công bằng và thỏa đáng khi tiến hành các thủ tục tố tụng hình sự, dân sự hoặc hành chính. Ngoài ra, các nước tham gia Hiệp định CPTPP cần phải bảo đảm an toàn cho các khoản đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài phù hợp với pháp luật quốc tế.

- *Tước quyền sở hữu*: Khi thấy thực sự cần thiết, ví dụ vì mục đích công cộng, chính phủ các nước có thể tước quyền sở hữu của các nhà đầu tư nước ngoài. Tuy nhiên, việc này phải được thực hiện trên cơ sở không phân biệt đối xử và có sự đền bù thỏa đáng cho các nhà đầu tư nước ngoài, phù hợp với quy định của pháp luật và nghĩa vụ của Hiệp định CPTPP.

- *Chuyển tiền*: Các nhà đầu tư nước ngoài được phép tự do chuyển tiền đầu tư hoặc lợi nhuận thu được từ hoạt động đầu tư. Tuy nhiên, trong một số trường hợp, chính phủ các nước Hiệp định CPTPP có thể hạn chế hoạt động này của nhà đầu tư nước ngoài, ví dụ như vì mục đích kiểm soát vốn trong bối cảnh khủng hoảng cán cân thanh toán hoặc khủng hoảng kinh tế.

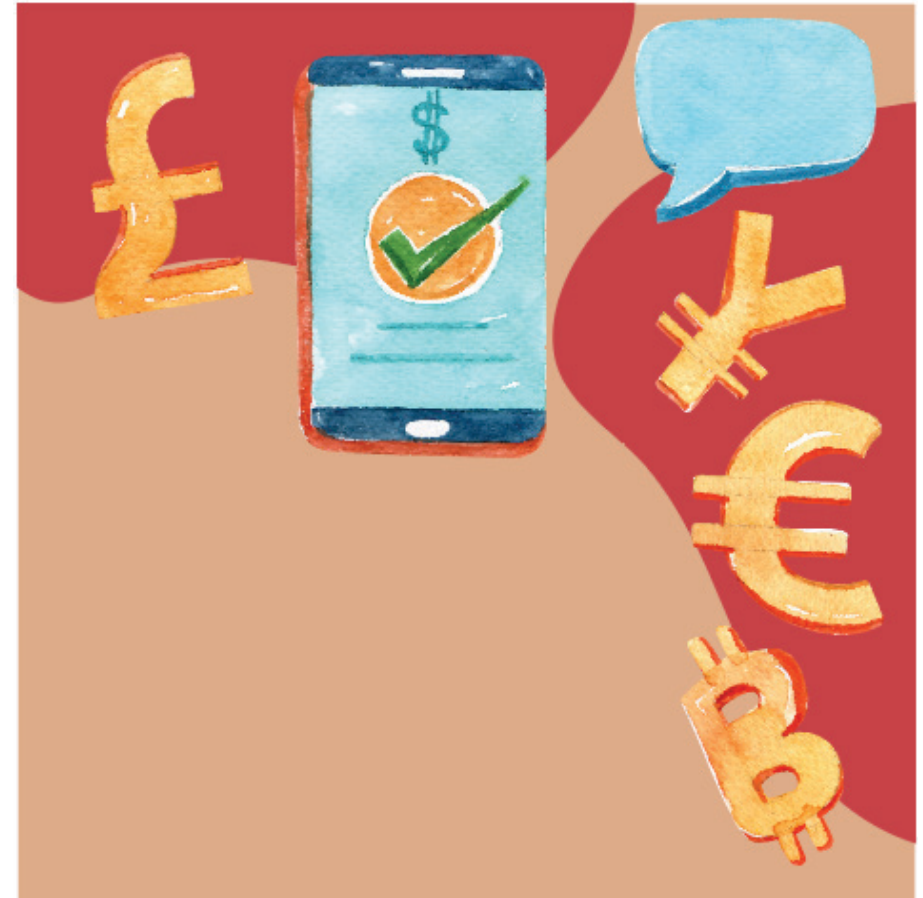
- *Không áp đặt các “yêu cầu thực hiện” (PR)*: Các nước không được duy trì các yêu cầu buộc nhà đầu tư nước ngoài phải thực hiện để được cấp phép đầu tư hay được hưởng các ưu đãi đầu tư.

- *Không áp đặt các yêu cầu về bổ nhiệm nhân sự (SMBD)*: Các nước không được yêu cầu công ty có vốn đầu tư nước ngoài phải bổ nhiệm các nhân sự cấp cao thuộc một quốc tịch nào đó.

Cơ chế giải quyết tranh chấp giữa nhà đầu tư và nhà nước (ISDS)

Để bảo vệ quyền lợi của nhà đầu tư nước ngoài, Hiệp định CPTPP cho phép nhà đầu tư nước ngoài được tiến hành khởi kiện ra cơ quan trọng tài quốc tế trong một số trường hợp khi quyền lợi của nhà đầu tư bị chính quyền nước sở tại xâm phạm trái với các tiêu chuẩn được Hiệp định đặt ra (ví dụ trưng thu, tước quyền sở hữu, tiêu chuẩn đối xử tối thiểu, v.v.), ngoại trừ trường hợp có tranh chấp phát sinh từ việc thực hiện các cam kết hay nghĩa vụ của hợp đồng đầu tư và chấp thuận đầu tư. Tuy nhiên, việc khởi kiện phải tuân thủ các quy định và quy trình được mô tả rõ ràng trong chương Đầu tư. Các nội dung chính bao gồm:

- *Minh bạch hóa thủ tục trọng tài*: Các vụ điều trần tại cơ quan trọng tài và các tài liệu liên quan phải được công khai cho công chúng.



- *Sự tham gia của bên thứ 3*: Những đối tượng có quan tâm, ví dụ công đoàn, các tổ chức dân sự nếu quan tâm thì có thể đệ trình văn bản, tài liệu thể hiện quan điểm của mình cho cơ quan trọng tài.

- *Sự tham gia của bên không liên quan đến vụ kiện*: Chính phủ của nhà đầu tư nước ngoài hoặc các nước CPTPP khác có thể đệ trình văn bản, tài liệu thể hiện cách hiểu và diễn giải của mình về nội dung Hiệp định.

- *Xử lý các khiếu kiện vô giá trị và bồi thường phí luật sư*: Có cơ chế cho phép hội đồng trọng tài có thể nhanh chóng phát hiện và xử lý các khiếu kiện vô giá trị và phán quyết về mức phí trọng tài đối với chính phủ bị kiện.



- *Phán quyết tạm thời và kháng cáo:* Các bên tham gia vụ kiện có thể rà soát và có ý kiến đối với phán quyết của hội đồng trọng tài trước khi công bố và cho phép cả hai bên tham gia vụ kiện có quyền kháng cáo quyết định của hội đồng trọng tài.

Cam kết trong một ngành dịch vụ - đầu tư khác

Đối với lĩnh vực dịch vụ - đầu tư, các nước CPTPP được quyền đưa ra các biện pháp bảo lưu trái với 4 nghĩa vụ chính của chương Dịch vụ (Đối xử quốc gia, Đối xử tối huệ quốc, Tiếp cận thị trường, và Hiện diện tại nước sở tại) và 4 nghĩa vụ chính của Chương Đầu tư (Đối xử quốc gia, Đối xử tối huệ quốc, Yêu cầu thực hiện, và Quản lý nhân sự cấp cao và ban giám đốc) dưới hình thức là một danh mục gọi là “Danh mục các biện pháp bảo lưu không tương thích với nghĩa vụ chính của chương Dịch vụ và chương Đầu tư” (gọi tắt là danh mục NCM dịch vụ - đầu tư). Ngoài ra, mọi biện pháp quản lý, nếu không có yếu tố phân biệt đối xử, đều được phép duy trì mà không cần phải bảo lưu trong Hiệp định.

Danh mục NCM dịch vụ - đầu tư đều bao gồm 2 Phụ lục:

Phụ lục I: gọi là Phụ lục bảo lưu các biện pháp hiện hành, bao gồm các biện pháp không tương thích với các nghĩa vụ về đầu tư và thương mại dịch vụ được quy định tại các văn bản pháp luật hoặc chính sách hiện hành của một nước thành viên. Đối với các biện pháp được liệt kê trong Phụ lục này, các nước được tiếp tục áp dụng theo đúng nội dung đã được mô tả. Tuy nhiên, cần lưu ý một số điểm sau:

- Các nước được quyền sửa đổi nội dung bảo lưu nhưng với điều kiện việc sửa đổi không được kém thuận lợi hơn nội dung đã được bảo lưu trong Phụ lục. Nguyên tắc này gọi là nguyên tắc “giữ nguyên hiện trạng (standstill)”.
- Các nước được quyền đơn phương sửa đổi các nội dung đã bảo lưu theo hướng thuận lợi hơn nhưng khi đã đưa ra rồi thì không được quyền rút lại nội dung đã được sửa đổi đó. Nguyên tắc này còn được gọi là nguyên tắc “chỉ tiến, không lùi (ratchet)”.



Trong thời gian 3 năm kể từ khi Hiệp định CPTPP có hiệu lực, Việt Nam không phải tuân thủ nguyên tắc ratchet. Đây là linh hoạt mà các nước tham gia Hiệp định CPTPP dành riêng cho Việt Nam.

Phụ lục II: Gọi là Phụ lục bảo lưu các biện pháp lâu dài, bao gồm các biện pháp không tương thích với các nghĩa vụ về đầu tư và thương mại dịch vụ mà các nước không muốn loại bỏ trong giai đoạn hiện tại và muốn bảo lưu lâu dài. Đối với Phụ lục này, các nước được toàn quyền đưa ra các nội dung trái với các nghĩa vụ chính của Hiệp định hoặc toàn quyền hạn chế nhà đầu tư nước ngoài trong các lĩnh vực được bảo lưu.



Cam kết cụ thể của một số ngành dịch vụ - đầu tư

Nguyên tắc MFN

Việt Nam đồng ý nguyên tắc MFN, tức là đối xử với các nước thành viên CPTPP không kém thuận lợi hơn so với các đối tác khác. Tuy nhiên, ta bảo lưu quyền áp dụng và duy trì bất kỳ biện pháp nào dành đối xử khác biệt cho: (i) các quốc gia có hiệp định quốc tế song phương hoặc đa phương đang có hiệu lực hoặc đã được ký kết trước ngày Hiệp định này có hiệu lực và (ii) các quốc gia thành viên ASEAN theo bất kỳ Hiệp định ASEAN nào mà các quốc gia thành viên ASEAN có thể tham gia, đang có hiệu lực hoặc đã được ký kết trước ngày Hiệp định này có hiệu lực. Đồng thời, ta cũng bảo lưu quyền áp dụng và duy trì bất kỳ biện pháp nào dành đối xử khác biệt cho các quốc gia theo các hiệp định quốc tế song phương hoặc đa phương đang có hiệu lực hoặc được ký kết sau ngày Hiệp định này có hiệu lực trong các lĩnh vực hoạt động hàng hải, bao gồm cả cứu hộ; thủy hải sản; hàng không.

Dịch vụ viễn thông

+ Cho phép các nước CPTPP thành lập liên doanh với mức góp vốn không quá 49% đối với các dịch vụ viễn thông cơ bản có gắn với hạ tầng mạng. Với dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng có gắn với hạ tầng mạng, ta đồng ý cho phép thành lập liên doanh với mức góp vốn không quá 65% sau 5 năm kể từ khi Hiệp định có hiệu lực. Với các dịch vụ không gắn với hạ tầng mạng, mở cửa cho các nước CPTPP đầu tư thành lập doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài sau 5 năm kể từ khi Hiệp định có hiệu lực.

+ Với các dịch vụ không gắn với hạ tầng mạng cung cấp qua biên giới (như gọi điện thoại hoặc nhắn tin qua các ứng dụng Viber, Skype và các loại hình dịch vụ viễn thông trên nền Internet khác): Việt Nam bảo lưu quyền được yêu cầu nhà cung cấp dịch vụ phải đăng ký, xin cấp phép hoặc phải có thỏa thuận thương mại với các nhà mạng.

+ Với việc bán dung lượng cáp quang biển: Cáp quang phải đấu nối qua trạm cập bờ và thiết bị do ta quản lý; các nhà đầu tư cáp quang CPTPP chỉ được phép bán dung lượng cáp quang cho các công ty cung cấp dịch vụ viễn thông và các công ty cung cấp dịch vụ truy nhập internet (ISP) đã được cấp phép tại Việt Nam.

Dịch vụ ngân hàng

Việt Nam cam kết mở cửa thị trường một số nội dung mới bao gồm cung cấp dịch vụ tài chính mới và dịch vụ thanh toán điện tử cho các giao dịch bằng thẻ. Bên cạnh việc mở cửa thị trường, ta tiếp tục duy trì quyền cấp phép của cơ quan quản lý tài chính cũng như đảm bảo được các quyền, lợi ích của Việt Nam khi tham gia Hiệp định.

Dịch vụ phân phối

Việt Nam cam kết bỏ hạn chế đối với việc “mở thêm điểm bán lẻ” sau 5 năm kể từ khi Hiệp định có hiệu lực. Về diện mặt hàng, Việt Nam tiếp tục bảo lưu không cho phép nước ngoài tham gia phân phối xăng dầu, dược phẩm và sản phẩm ghi hình.

